

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/HS-ST

Ngày: 05 - 4 - 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang;

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Sơn;
- Bà Đặng Thị Mỹ Hương;
- Ông Võ Thanh Tân.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Khru Huỳnh Mỹ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X,

Ông Trần Ngọc Ký - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

Ông Trần Quốc Toàn - Kiểm sát viên,

Ông Võ Ngọc Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Dạ Th, sinh ngày 29 tháng 9 năm 1977, tại thành phố X, tỉnh An Giang; nơi đăng ký cư trú: khóm Đ4, phường Mỹ P, thành phố X, tỉnh An Giang; chỗ ở: số 236/6D đường Ngô Văn S, phường Đ, thành phố X, tỉnh An Giang; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: giáo viên; chức vụ khi phạm tội: Hiệu trưởng Trường tiểu học V; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị kỷ luật về Đảng, hình thức: khai trừ; bị cáo có cha là Nguyễn Hoài S1, sinh năm 1950 và mẹ là Phạm Thị B, sinh

năm 1955; bị cáo có 04 chị em ruột, bị cáo là người thứ nhất; bị cáo có chồng là Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1977 (đã ly hôn) và có 02 người con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15 tháng 6 năm 2022 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố X và có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Đoàn Bảo N, sinh ngày 04 tháng 12 năm 1975, tại thành phố X, tỉnh An Giang; nơi cư trú: số 23/3, khóm Thới A, phường Mỹ Th1, thành phố X, tỉnh An Giang; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: kế toán; bị cáo có cha là Nguyễn Thanh Ph, sinh năm 1954 và mẹ là Nguyễn Thị Bảo Ph1, sinh năm 1956; bị cáo có 03 chị em ruột, bị cáo là người thứ nhất; bị cáo có chồng là Bùi Minh H1, sinh năm 1977 và có 02 người con, con lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15 tháng 6 năm 2022 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố X và có mặt tại phiên tòa.

3. Đỗ Minh Tr, sinh ngày 14 tháng 8 năm 1991, tại huyện Châu Th2, tỉnh Hậu Giang; nơi đăng ký cư trú: số 1162/81, ấp 4B, thị trấn N1, huyện Châu Th2A, tỉnh Hậu Giang; chỗ ở: số 117/9, đường 3/2, phường L, quận K, thành phố Cần Thơ; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: làm thuê; bị cáo có cha là Đỗ Phước A1, sinh năm 1954 và mẹ là Huỳnh Thị T1, sinh năm 1954; bị cáo có 04 anh chị em ruột, bị cáo là người thứ ba; bị cáo có vợ là Trần Diễm M, sinh năm 1990 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 20 tháng 11 năm 2022 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố X và có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Minh Tr là:* Ông Nguyễn Phú H, luật sư Công ty Luật TNHH KL Chi nhánh Rạch Giá, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Địa chỉ: D3-2, Đường số 5, khu đô thị mới lấn biển Tây Bắc, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

4. Trần Thị Thu Tr1, sinh ngày 30 tháng 10 năm 1991, tại thị xã Long M1, tỉnh Hậu Giang; nơi đăng ký cư trú: số 231, ấp 6, xã L2, thị xã Long M1, tỉnh Hậu Giang; chỗ ở: số 246, đường Đ1 nối dài, khu vực Y, phường L1, quận Cái R, thành phố Cần Thơ; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: kế toán; bị cáo có cha là Trần Văn Nh, sinh năm 1968 và mẹ là Trương Thị A2, sinh năm 1967; bị cáo có 03 chị em ruột; bị cáo là người thứ nhất; bị cáo chưa có chồng, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 20 tháng 11 năm 2022 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố X và có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Thu Tr1 là:*

- + Ông Trần Văn A3 (có mặt)
- + Ông Trần Vũ Thanh T2 (vắng mặt)
- + Ông Lê Tuấn K1 (vắng mặt)

Cùng là luật sư Văn phòng luật sư Lê K1, thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ;

Cùng địa chỉ: số 116A đường V1, phường L, quận K, thành phố Cần Thơ

- *Bị hại:* Trường tiểu học V, thành phố X, tỉnh An Giang;

Địa chỉ: khóm H2, phường Mỹ Th1, thành phố X, tỉnh An Giang;

Người đại diện theo pháp luật của Trường tiểu học V là: ông Phan Tuấn K2, chức vụ: Hiệu trưởng (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- + Ông Phan Bình V2, sinh năm 1974 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

Cư trú: số 107/125 đường Hoàng Văn Th4, phường An C1, quận K, thành phố Cần Thơ.

- + Bà Trương Mỹ Tr2, sinh năm 1998 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

Cư trú: số 3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận K, thành phố Cần Thơ.

- + Ông Trần Hải Đ2, sinh năm 1998 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

Cư trú: xóm C2, Khóm 7, Phường 8, thành phố M2, tỉnh Cà Mau.

- + Ông Đoàn Tú D, sinh năm 1991 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

Cư trú: số 117/9, đường 3/2, phường L, quận K, thành phố Cần Thơ.

- + Bà Trần Diễm M, sinh năm 1990 (có mặt);

Cư trú: số 117/9, đường 3/2, phường L, quận K, thành phố Cần Thơ.

- + Ông Trịnh Tùng C, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Cư trú: số 65/9, đường Lê Văn Nh1, Tổ 7, khóm BL3, phường MB, thành phố X, tỉnh An Giang.

- + Ông Trần Hữu L3, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Cư trú: số 687/30 đường Đ1, phường Mỹ P, thành phố X, tỉnh An Giang.

- + Ông Trần Văn Th3, sinh năm 1969 (có mặt);

Cư trú: số 687/30 đường Đ1, phường Mỹ P, thành phố X, tỉnh An Giang.

- + Ông Bùi Nguyễn Quốc h3, sinh năm 1999 (có mặt);

Cư trú: số 23/3, khóm Thới A, phường Mỹ Th1, thành phố X, tỉnh An Giang.

+ Ông Huỳnh ngọc Phương D1, sinh năm 1985 (có mặt);

Cư trú: số 28/10, khóm AH, phường Mỹ Thới, thành phố X, tỉnh An Giang.

+ Ông Trần Tuấn D2, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Cư trú: số 52, đường NK, khóm BT2, phường BK, thành phố X, tỉnh An Giang.

+ Ông Phan Thanh Nh4, sinh năm 1997 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

Cư trú: số 146/4B, đường TNH, phường ML, thành phố X, tỉnh An Giang.

+ Ông Nguyễn Văn Bảy Nh6, sinh năm 1958 (có mặt);

Cư trú: số 10A, đường NTN, Khóm 2, phường ML, thành phố X, tỉnh An Giang.

+ Ông Nguyễn Đoàn Thanh Nh3, sinh năm 1983 (có mặt);

Hộ khẩu thường trú: số 23/3, khóm Thới A, phường Mỹ Th1, thành phố X, tỉnh An Giang;

Nơi ở hiện nay: số 146, đường Đ5, phường Đ, thành phố X, tỉnh An Giang.

+ Bà Phạm Thị Bửu N3, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Cư trú: khóm H2, phường Mỹ Th1, thành phố X, tỉnh An Giang.

+ Ông Dư Quang Th5, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Cư trú: số 09/33B, khóm Thới A, phường Mỹ Th1, thành phố X, tỉnh An Giang.

+ Ông Lê Văn T3, sinh năm 1969 (có mặt);

Cư trú: số 1621 đường Đ1, khóm Đ7, phường Mỹ P, thành phố X, An Giang.

+ Bà Nguyễn Thị Thúy Ng, sinh năm 1984;

Cư trú: số 234/76/12 đường V3, phường AB, quận K, thành phố Cần Thơ;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ng là: ông Hồ Minh Nh5, sinh năm 1979 (có mặt);

Cư trú: số 234/76/12 đường V3, phường AB, quận K, thành phố Cần Thơ.

+ Ông Cao Minh Tr3, sinh năm 1987 (có mặt);

Cư trú: số 2/8A, khóm H2, phường Mỹ Th1, thành phố X, tỉnh An Giang.

+ Ông Tô Văn B1, sinh năm 1967 (có mặt);

Cư trú: số 9/18, khóm H2, phường Mỹ Th1, thành phố X, tỉnh An Giang.

+ Ông Đỗ Thị G (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

- Cư trú: khóm H2, phường Mỹ Th1, thành phố X, tỉnh An Giang.
+ Bà Trần Thị Th6 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);
- Cư trú: khóm H2, phường Mỹ Th1, thành phố X, tỉnh An Giang.
+ Bà Nguyễn Thủy T4 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);
- Cư trú: khóm H2, phường Mỹ Th1, thành phố X, tỉnh An Giang.
+ Bà Trần Thiện Thu Th7 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);
- Cư trú: khóm H2, phường Mỹ Th1, thành phố X, tỉnh An Giang.
+ Bà Nguyễn Thị O (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);
- Cư trú: khóm H2, phường Mỹ Th1, thành phố X, tỉnh An Giang.
+ Bà Nguyễn Bảo C3 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);
- Cư trú: khóm H2, phường Mỹ Th1, thành phố X, tỉnh An Giang.
+ Ông Nguyễn Quốc S2 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);
- Cư trú: khóm H2, phường Mỹ Th1, thành phố X, tỉnh An Giang.
+ Ông Nguyễn Thái S3 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);
- Cư trú: khóm H2, phường Mỹ Th1, thành phố X, tỉnh An Giang.
+ Bà Trần Thị Kim Chi (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);
- Cư trú: khóm H2, phường Mỹ Th1, thành phố X, tỉnh An Giang.
+ Ông Nguyễn Tiến S4 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);
- Cư trú: khóm H2, phường Mỹ Th1, thành phố X, tỉnh An Giang.
+ Ông Phạm An T5 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);
- Cư trú: khóm H2, phường Mỹ Th1, thành phố X, tỉnh An Giang.
+ Ông Châu Xuân H4 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);
- Cư trú: khóm H2, phường Mỹ Th1, thành phố X, tỉnh An Giang.
+ Ông Lê Hữu T6 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);
- Cư trú: khóm H2, phường Mỹ Th1, thành phố X, tỉnh An Giang.
+ Ông Lê Zi Th8 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);
- Cư trú: khóm H2, phường Mỹ Th1, thành phố X, tỉnh An Giang.
+ Bà Nguyễn Thị Ánh T7, sinh năm 1967 (có mặt);
- Cư trú: số 36/26, khóm ĐB, phường Mỹ Th1, thành phố X, tỉnh An Giang.
+ Công ty bảo hiểm BM An Giang (vắng mặt);
- Trụ sở: số 29 - 31 đường NVC, phường ML, thành phố X, tỉnh An Giang.
+ Bảo hiểm X An Giang;
- Trụ sở: số 11 đường LTK, phường MB, thành phố X, tỉnh An Giang;

Người đại diện theo ủy quyền là: ông Tô Thành T8, chức vụ: trưởng phòng Thanh tra - Kiểm tra (có mặt).

+ Kho bạc N An Giang

Trụ sở: số 02 đường NĐS, phường MB, thành phố X, tỉnh An Giang;

Người đại diện theo ủy quyền là: ông Nguyễn Xuân Th9, chức vụ: kế toán trưởng (nghịệp vụ)/Trưởng phòng Kế toán nhà nước (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết Ngọc (có mặt);

Cư trú: khóm TK5, phường MH, thành phố X, tỉnh An Giang.

+ Ông Nguyễn Văn H5 (vắng mặt);

Cư trú: số 5/32, khóm Thới A A, phường Mỹ Th1, thành phố X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21 tháng 6 năm 2021 Ủy ban nhân dân thành phố X ra quyết định thanh tra số 2292/QĐ-UBND tại Trường tiểu học V, phường Mỹ Th1, thành phố X. Đến ngày 30 tháng 11 năm 2021 Ủy ban nhân dân thành phố X có kết luận thanh tra số 5989/KL-UBND và ngày 16 tháng 12 năm 2021 có công văn đề nghị chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố X để xem xét trách nhiệm hình sự của Nguyễn Dạ Th hiệu trưởng Trường tiểu học V và Nguyễn Đoàn Bảo N kế toán Trường tiểu học V do có sai phạm nghiêm Tr đối với việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài chính tại Trường tiểu học V, gây thiệt hại cho nhà nước.

Trên cơ sở kết quả điều tra và Kết luận giám định ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Giám định viên công tác tại Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố X xác định:

Ngày 24 tháng 3 năm 2020, Nguyễn Dạ Th được Ủy ban nhân dân thành phố X điều động đến Trường tiểu học V, phường Mỹ Th1, thành phố X giữ chức vụ hiệu trưởng theo quyết định số 386/QĐ-UBND. Khoảng tháng 4 năm 2022, Nguyễn Đoàn Bảo N là Kế toán Trường tiểu học V gặp Th đặt vấn đề làm khống hóa đơn, chứng từ để chiếm đoạt tiền từ ngân sách nhà nước cấp cho trường chia nhau tiêu xài thì Th đồng ý. Nhiệm vụ của Nh là làm khống các chứng từ, mua hóa đơn và ký duyệt phần kế toán; Th ký duyệt phần thủ trưởng đơn vị, chủ tài khoản của đơn vị. Ngoài hành vi trên, Th và Nh còn bàn bạc thực hiện hành vi vượt quá nhiệm vụ, quyền hạn được giao để chiếm đoạt tiền thu bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn của học sinh, cụ thể như sau:

*** Hành vi chiếm đoạt tiền từ ngân sách nhà nước cấp và mua bán trái phép hóa đơn.**

Từ ngày 12 tháng 6 năm 2020 đến ngày 21 tháng 12 năm 2020, Th và Nh đã bàn bạc tìm nơi mua hóa đơn để chiếm đoạt tiền từ ngân sách nhà nước. Sau đó, Nh liên hệ Đỗ Minh Tr là người quen của Nh để nhờ mua hóa đơn giá trị gia tăng nhưng không cho Tr biết mục đích mua hóa đơn để chiếm đoạt tiền của Trường tiểu học V. Tr đồng ý và liên hệ với Trần Thị Thu Tr1 là Kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên PD (địa chỉ: số 107/125, đường Hoàng Văn Th4, phường An C1, quận K, thành phố Cần Thơ) để mua hóa đơn giá trị gia tăng của công ty PD. Việc mua bán hóa đơn Tr1 không cho ông Phan Bình V2 là giám đốc Công ty PD biết. Mỗi lần mua hoá đơn, Nh cung cấp thông tin hàng hóa, số tiền xuất hóa đơn cho Tr. Tr cung cấp cho Nh các số tài khoản ngân hàng của Đoàn Tú D (bạn của Tr), Trần Diễm M (vợ Tr) và của Tr; Th cung cấp số tài khoản của Trịnh Tùng C (bạn của Th) để Nh chuyển tiền từ tài khoản của Trường tiểu học V đến một trong các tài khoản này rồi chuyển tiền lại cho Nh sau khi trừ 10% nếu hàng hóa ghi trên hóa đơn là sách giáo khoa, sách tham khảo; 12% nếu hàng hóa ghi trên hóa đơn là dụng cụ, thiết bị dạy học, cụ thể:

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, Tr1 xuất 02 hóa đơn giá trị gia tăng số 2354 bán sách tham khảo các loại với số tiền 4.650.000 đồng, số 2356 bán sách tham khảo các loại với số tiền là 4.870.000 đồng, sách tham khảo các loại không phải chịu thuế VAT và chuyển cho Tr. Tr chuyển Nh để làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của Trường tiểu học V vào tài khoản của Đoàn Tú D với số tiền 9.520.000 đồng.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, Tr1 xuất 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 2382 bán thiết bị dạy học lớp 1,2,3,4,5 với số tiền 4.890.000 đồng, thuế VAT là 232.857 đồng và chuyển hoá đơn cho Tr. Tr chuyển Nh để làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của Trường tiểu học V vào tài khoản của Đoàn Tú D với số tiền 4.890.000 đồng.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, Tr1 xuất 02 hóa đơn giá trị gia tăng số 2617 bán sách các loại với số tiền 7.340.000 đồng, số 2618 bán bảng meka, bảng kẻ với số tiền 3.280.000 đồng, thuế VAT là 156.191 đồng và chuyển cho Tr. Tr chuyển cho Nh để làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của Trường tiểu học V vào tài khoản của Trần Diễm M với số tiền 7.340.000 đồng và Đỗ Minh Tr với số tiền 3.280.000 đồng.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, Tr1 xuất 02 hóa đơn giá trị gia tăng số 2798 bán tranh ảnh với số tiền 3.890.000 đồng, thuế VAT là 353.636 đồng; số 2799 bán bảng học sinh với số tiền 5.640.000 đồng, thuế VAT là 268.572 đồng chuyển cho Tr. Tr chuyển cho Nh để làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của Trường tiểu học V vào tài khoản của Trần Diễm M với số tiền 9.530.000 đồng.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, Tr1 xuất 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 3087 bán sách tham khảo với số tiền 5.480.000 đồng chuyển cho Tr. Tr chuyển cho Nh để làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của Trường tiểu học V vào tài khoản của Trần Diễm M với số tiền 5.480.000 đồng.

Ngày 16 tháng 8 năm 2020, Tr1 xuất 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 3097 bán sách tham khảo với số tiền 4.120.000 đồng chuyển cho Tr. Tr chuyển cho Nh để

làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của Trường tiểu học V vào tài khoản của Trần Diễm M với số tiền 4.120.000 đồng.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, Tr1 xuất 02 hóa đơn giá trị gia tăng số 3335 bán sách giáo khoa, sách giáo viên với số tiền 9.390.000 đồng; số 3337 bán thiết bị dạy học với số tiền 7.280.000 đồng, thuế VAT là 346.667 đồng chuyển cho Tr. Tr chuyển Nh làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của Trường tiểu học V vào tài khoản của Tr với số tiền 7.280.000 đồng và tài khoản của Trần Diễm M với số tiền 9.390.000 đồng.

Ngày 12 tháng 10 năm 2020, Tr1 xuất 02 hóa đơn giá trị gia tăng số 3672 bán thiết bị dạy học với số tiền 7.620.000 đồng, thuế VAT là 362.857 đồng; số 3673 bán hàng sách giáo khoa, sách giáo viên với số tiền 9.650.000 đồng chuyển cho Tr. Tr chuyển cho Nh làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của Trường tiểu học V vào tài khoản của Tr số tiền 9.650.000 đồng và tài khoản của Trịnh Tùng C (bạn Th) với số tiền 7.620.000 đồng.

Ngày 26 tháng 10 năm 2020, Tr1 xuất 02 hóa đơn giá trị gia tăng số 3812 bán thiết bị các loại với số tiền 6.950.000 đồng, thuế VAT là 330.952 đồng; số 3813 bán thiết bị các loại với số tiền 6.790.000 đồng, thuế VAT là 323.333 đồng chuyển cho Tr. Tr chuyển cho Nh làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của Trường tiểu học V vào tài khoản của Trần Diễm M với số tiền 13.740.000 đồng.

Ngày 10 tháng 11 năm 2020, Tr1 xuất 02 hóa đơn giá trị gia tăng số 3990 bán sách giáo khoa với số tiền 8.930.000 đồng; số 3991 bán sách giáo khoa với số tiền 7.660.000 đồng chuyển cho Tr. Tr chuyển cho Nh làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của Trường tiểu học V vào tài khoản của Tr với số tiền 16.590.000 đồng.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020, Tr1 xuất 02 hóa đơn giá trị gia tăng số 4030 bán thiết bị các loại với số tiền 7.770.000 đồng, thuế VAT là 370.000 đồng; số 4031 bán thiết bị các loại với số tiền 8.950.000 đồng, thuế VAT là 426.190 đồng chuyển cho Tr. Tr chuyển cho Nh làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của Trường tiểu học V vào tài khoản của Tr với số tiền 16.720.000 đồng.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020, Tr1 xuất 02 hóa đơn giá trị gia tăng số 4330 bán thiết bị các loại với số tiền 7.390.000 đồng, thuế VAT là 351.905 đồng; số 4331 bán sách giáo khoa với số tiền 9.300.000 đồng chuyển cho Tr. Tr chuyển cho Nh làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của Trường tiểu học V vào tài khoản của Tr với số tiền 16.690.000 đồng.

Ngày 20 tháng 12 năm 2020, Tr1 xuất 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 4493 bán sách giáo khoa các loại với số tiền 4.750.000 đồng chuyển hoá đơn cho Tr. Tr chuyển cho Nh làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của Trường tiểu học V vào tài khoản của Tr với số tiền 4.750.000 đồng.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, Tr1 xuất 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 4500 bán sách giáo khoa các loại với số tiền 6.930.000 đồng chuyển hoá đơn cho Tr. Tr chuyển cho Nh làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của Trường tiểu học V vào tài khoản của Tr với số tiền 6.930.000 đồng.

Trong tháng 5 và tháng 6 năm 2020 Tr còn liên hệ với Nguyễn Thị Thúy Ng (giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thiết bị Văn phòng MN) tại quận K, thành phố Cần Thơ yêu cầu xuất 03 hoá đơn giá trị gia tăng và ghi người mua hàng là Trường tiểu học V để bán cho Nh. Do trước đó Tr có mua bán hàng với công ty MN nên Ng đồng ý xuất hóa đơn cho Tr nhưng Ng không biết mục đích trên của Tr, cụ thể:

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, Ng xuất 02 hóa đơn giá trị gia tăng số 99 bán mạch chính vi tính và màn hình với số tiền 4.840.000 đồng, thuế VAT là 440.000 đồng và số 100 bán máy in Canon 2900 với số tiền 2.960.000 đồng, thuế VAT là 269.091 đồng chuyển hoá đơn cho Tr. Tr chuyển cho Nh làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của Trường tiểu học V vào tài khoản của Tr với số tiền 7.800.000 đồng.

Ngày 14 tháng 6 năm 2020, Ng xuất 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 123 bán màn hình máy tính xách tay, bàn phím với số tiền 3.750.000 đồng, thuế VAT là 340.909 đồng chuyển hoá đơn cho Tr. Tr chuyển cho Nh làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của Trường tiểu học V vào tài khoản của Tr với số tiền 3.750.000 đồng.

Như vậy, từ ngày 26 tháng 5 năm 2020 đến ngày 21 tháng 12 năm 2020, Tr1, Tr đã bán cho Nh, Th 24 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty PD với số tiền ghi trên hóa đơn tổng cộng là 161.270.000 đồng. Riêng Tr còn bán cho Nh, Th 03 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty MN với số tiền ghi trên hóa đơn tổng cộng là 11.550.000 đồng. Tr hưởng lợi 12.919.000 đồng, Tr1 hưởng lợi 6.100.000 đồng.

Nh, Th đã sử dụng 27 hóa đơn này làm thủ tục thanh toán thông qua Kho bạc N An Giang để chiếm đoạt 172.820.000 đồng.

Từ ngày 17 tháng 4 năm 2020 đến ngày 28 tháng 12 năm 2020 Nh và Th đã làm không các khoản chi (chỉ có giấy dự toán, không có hóa đơn, chứng từ) để chiếm đoạt tiền từ nguồn ngân sách cấp cho trường, cụ thể:

Ngày 17 tháng 4 năm 2020, chuyển số tiền 2.200.000 đồng vào tài khoản của Trịnh Tùng C (bạn của Th), nội dung chuyển tiền quán motor, dây công tắc.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, chuyển số tiền 5.945.000 đồng, nội dung chuyển khoản mua ống nước, bồn gội nước vào tài khoản ngân hàng của Nguyễn Đoàn Thanh Nh3 (em ruột Nh).

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, chuyển số tiền 4.400.000 đồng, nội dung chuyển khoản mua quạt đứng vào tài khoản ngân hàng của Nguyễn Đoàn Thanh Nh3 (em ruột Nh).

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, chuyển số tiền 4.700.000 đồng, nội dung chi chuyển khoản mua kệ sách vào tài khoản ngân hàng của Bùi Nguyễn Quốc h3 (con của Nh).

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, chuyển số tiền 5.400.000 đồng, nội dung chuyển khoản ông nước + keo + co các loại vào tài khoản ngân hàng của Nguyễn Đoàn Thanh Nh3 (em ruột Nh).

Ngày 23 tháng 10 năm 2020, chuyển số tiền 10.290.000 đồng, nội dung chuyển tiền mua văn phòng phẩm tháng 10 vào tài khoản ngân hàng của Huỳnh ngọc Phương D1 (bạn của Nh).

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, chuyển số tiền 5.438.000 đồng, nội dung chi mua ổ khóa, dây điện vào tài khoản ngân hàng của Bùi Nguyễn Quốc h3 (con của Nh).

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, chuyển số tiền 7.770.000 đồng, nội dung chi thiết bị lớp 1 vào tài khoản ngân hàng của Bùi Nguyễn Quốc h3 (con của Nh).

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, chuyển số tiền 8.950.000 đồng, nội dung chuyển tiền mua thiết bị lớp 3 vào tài khoản ngân hàng của Huỳnh ngọc Phương D1 (bạn của Nh).

Từ ngày 08 tháng 01 năm 2020 đến ngày 11 tháng 11 năm 2020, Nh và Th đã làm không các ủy nhiệm chi (không có hoá đơn, chứng từ) chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của Trịnh Tùng C (bạn của Th), Đỗ Minh Tr, Trần Hữu L3 (bạn của Nh), Nguyễn Văn Bảy Nh6 (chủ cơ sở bán đồ gia dụng) để chiếm đoạt tiền từ nguồn ngân sách cấp cho trường, cụ thể:

Ngày 08 tháng 01 năm 2020, chuyển số tiền 6.700.000 đồng, nội dung chuyển mua lưới che vào tài khoản ngân hàng của Nguyễn Văn Bảy Nh6.

Ngày 10 tháng 4 năm 2020, chuyển số tiền 5.400.000 đồng, nội dung chi mua bơm áp vào tài khoản ngân hàng của Trịnh Tùng C.

Ngày 13 tháng 4 năm 2020, chuyển số tiền 30.400.000 đồng, nội dung chi kinh phí làm nhà xe giáo viên vào tài khoản ngân hàng của Trần Hữu L3.

Ngày 22 tháng 4 năm 2020, chuyển số tiền 27.800.000 đồng, nội dung chi chuyển phí sửa chữa chống dột 3 phòng học vào tài khoản ngân hàng của Trịnh Tùng C.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, chuyển số tiền 25.000.000 đồng, nội dung chi tạm ứng kinh phí xây sân khấu vào tài khoản ngân hàng của Trịnh Tùng C.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, chuyển số tiền 15.650.000 đồng, nội dung chi kinh phí làm hàng rào vào tài khoản ngân hàng của Trần Hữu L3.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, chuyển 2.500.000 đồng vào tài khoản của Đỗ Minh Tr, nội dung chuyển tiền mua micro.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, chuyển số tiền 5.640.000 đồng vào tài khoản của Huỳnh ngọc Phương D1, nội dung chuyển tiền là mua bảng từ.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, chuyển số tiền 9.000.000 đồng, nội dung chi tạm ứng sửa cổng trường vào tài khoản ngân hàng của Trần Hữu L3.

Ngày 11 tháng 11 năm 2020, chuyển số tiền 6.700.000 đồng, nội dung chuyển mua lưới che vào tài khoản ngân hàng của Nguyễn Văn Bảy Nh6.

Trịnh Tùng C, Nguyễn Đoàn Thanh Nh3, Bùi Nguyễn Quốc h3, Đỗ Minh Tr, Huỳnh ngọc Phương D1, Trần Hữu L3, Nguyễn Văn Bảy Nh6 cho Nh, Th mượn tài khoản để chuyển tiền nhưng không biết mục đích chiếm đoạt của Nh, Th, sau khi nhận tiền từ tài khoản của Trường tiểu học V đã chuyển lại cho Nh, Th và không hưởng lợi.

Như vậy, từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020, Nguyễn Dạ Th và Nguyễn Đoàn Bảo N đã chiếm đoạt 362.703.000 đồng từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn tiền gửi có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước cấp cho Trường tiểu học V để chia nhau tiêu xài. Trong đó, Th chiếm đoạt 134.020.000 đồng, Nh chiếm đoạt 228.683.000 đồng.

*** Hành vi chiếm đoạt tiền thu bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn của học sinh:**

Năm học 2020 - 2021, Trường tiểu học V có 363 học sinh mua bảo hiểm y tế, trong đó: 347 học sinh mua bảo hiểm y tế 12 tháng (564.000 đồng/học sinh/năm); 16 học sinh mua bảo hiểm y tế 06 tháng (282.000 đồng/học sinh/năm) với tổng số tiền là 200.220.000 đồng. Trường tiểu học V là cơ sở giáo dục nên có trách nhiệm thu tiền bảo hiểm y tế học sinh và lập danh sách học sinh mua bảo hiểm y tế nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định tại Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ. Tuy nhiên, Th và Nh không thực hiện đúng quy định này, Th chỉ đạo ông Tô Văn B1 (giáo viên, thủ quỹ của Trường tiểu học V) nộp 192.888.000 đồng tiền thu bảo hiểm y tế của học sinh vào tài khoản ngân hàng của trường; còn lại 13 học sinh mua bảo hiểm y tế 12 tháng với số tiền 7.332.000 đồng do Th trực tiếp thu của học sinh nhưng không bàn giao cho ông Bên mà chiếm đoạt số tiền này.

Trong năm học 2020 - 2021 Trường tiểu học V có 378 học sinh mua bảo hiểm tai nạn với mức đóng 100.000 đồng/học sinh/năm, với tổng số tiền 37.800.000 đồng. Trong đó, giáo viên chủ nhiệm thu, nộp lại cho ông Bên 29.700.000 đồng để nộp vào tài khoản của Trường; Th trực tiếp thu 8.100.000 đồng nhưng không nộp lại cho ông Bên mà chiếm đoạt số tiền này. Sau khi thu tiền bảo hiểm tai nạn của học sinh, Th không lập danh sách thu tiền và chuyển cho Công ty BM An Giang mà chỉ đạo Tô Văn B1 nộp vào tài khoản của Trường tiểu học V.

Từ ngày 09 tháng 9 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 Nh và Th lập các ủy nhiệm chi để chuyển số tiền 127.000.000 đồng từ tài khoản số 6701201003228 của Trường tiểu học Vỡ Thị Sáu mở tại ngân hàng Agribank chi nhánh thành phố X vào 02 tài khoản của Trịnh Tùng C và Bùi Nguyễn Quốc h3 để chiếm đoạt, cụ thể:

Chuyển 06 lần với số tiền là 86.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của Trịnh Tùng C, cụ thể: Ngày 09 tháng 9 năm 2020, chuyển 20.000.000 đồng; ngày 10 tháng 9 năm 2020, chuyển 5.000.000 đồng; ngày 14 tháng 9 năm 2020 chuyển 5.000.000 đồng; ngày 18 tháng 9 năm 2020, chuyển 15.000.000 đồng; ngày 28 tháng 9 năm 2020, chuyển 10.000.000 đồng; ngày 30 tháng 9 năm 2020, chuyển 31.000.000 đồng để Th chiếm đoạt số tiền này.

Chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của Bùi Nguyễn Quốc h3 04 lần với tổng số tiền là 41.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 10 tháng 9 năm 2022, chuyển 13.000.000 đồng; ngày 14 tháng 9 năm 2022, chuyển 3.000.000 đồng; ngày 18 tháng 9 năm 2022, chuyển 15.000.000 đồng; ngày 28 tháng 9 năm 2022, chuyển số tiền 10.000.000 đồng để Nh chiếm đoạt số tiền này.

Trong khoảng thời gian trên, ông Bên còn giao 40.476.000 đồng tiền thu bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn của học sinh cho Th và Th đã chiếm đoạt số tiền này.

Đến khoảng tháng 10 năm 2020 ông Bên kiểm tra tài khoản phát hiện trong tài khoản chỉ còn 65.888.000 đồng nên đã báo cáo cho Trưởng Phòng giáo dục và đào tạo thành phố X biết sự việc.

Như vậy, Th và Nh đã chiếm đoạt tổng cộng 182.908.000 đồng tiền thu bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn của học sinh. Trong đó, Th chiếm đoạt 141.908.000 đồng, Nh chiếm đoạt 41.000.000 đồng.

Đến tháng 8 năm 2021, Nh, Th đã nộp lại tổng cộng 182.908.000 đồng nên 363 học sinh mua bảo hiểm y tế và 378 học sinh mua bảo hiểm tai nạn đã được cấp thẻ bảo hiểm.

** Vật chứng và tài sản thu giữ gồm:*

- 24 tờ hoá đơn giá trị gia tăng (liên 1) của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên PD và 03 tờ hoá đơn giá trị gia tăng (liên 1) của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thiết bị văn phòng MN;

- 01 điện thoại di động hiệu VIVO, màu vàng, kiểu máy VIVO 1606, số IMEI 1: 866045037721816, số IMEI 2: 866045037721808, có số thuê bao 0949767775 thu giữ của Nguyễn Dạ Th;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng, số IMEI: 35656408376301, số seri DX3VWD3DHG07, số thuê bao 0939933515 thu giữ của Nguyễn Đoàn Bảo N;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu đen, số IMEI 35301909068264, số thuê bao 0907852958 thu giữ của Đỗ Minh Tr (đã trả lại cho bị cáo Tr trong quá trình điều tra);

- 01 điện thoại di động hiệu samsung A50S, màu Gold, số IMEI 1: 358193101015247, số IMEI 2: 358194101015245, số thuê bao 0775833928 và 0939818891 thu giữ của Trần Thị Thu Tr1 (đã trả lại cho bị cáo Tr1 trong quá trình điều tra).

Trong quá trình thanh tra, sau thanh tra và trong quá trình điều tra, Nguyễn Đoàn Bảo N đã nộp 284.000.000 đồng, Nguyễn Dạ Th đã nộp 268.460.620 đồng để khắc phục hậu quả.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, Trần Diễm M (vợ của Tr) nộp 12.950.000 đồng; ngày 21 tháng 12 năm 2022, Trần Thị Thu Tr1 đã tác động gia đình nộp 6.100.000 đồng cho Cơ quan điều tra.

** Lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng:*

Ông Phan Tuấn K2, hiệu trưởng Trường tiểu học V: đề nghị cho Trường tiểu học V nhận lại số tiền mà Th, Nh chiếm đoạt của Trường.

Bà Thái Thị Tuyết Phục, đại diện Công ty Bảo hiểm BM An Giang trình bày: năm 2020, Trường tiểu học V có 370 học sinh mua bảo hiểm với số tiền 37.000.000 đồng. Trường tiểu học V nộp tiền mua bảo hiểm chậm trễ so với hợp đồng đã ký nhưng không ảnh hưởng đến quyền lợi của học sinh mua bảo hiểm. Công ty BM trích lại cho trường 9.472.000 đồng tiền hoa hồng.

Ông Huỳnh Đức Minh, đại diện Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang trình bày: năm 2020, Trường tiểu học V có 389 học sinh (trong đó có 26 học sinh được hưởng chế độ) mua bảo hiểm y tế với tổng số tiền 195.578.145 đồng. Bảo hiểm xã hội trích lại tiền thù lao bảo hiểm y tế cho trường 1.530.664 đồng chuyển vào tài khoản số 006937760001 của trường mở tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt Chi nhánh An Giang.

Ông Nguyễn Xuân Th9, đại diện Kho bạc Nhà nước An Giang trình bày: Kho bạc N An Giang cung cấp thông tin, tài liệu quy trình, quy định của Nhà nước về kiểm soát chi tài khoản dự toán, trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi năm 2020 - 2021 của Trường tiểu học V, như sau: căn cứ theo đề nghị của Trường tiểu học V là đơn vị rút dự toán ngân sách và trích lập quỹ gửi cho Kho bạc N An Giang, gồm: Bảng kê nội dung thanh toán (hoặc tạm ứng) có thể hiện hóa đơn, chứng từ, nội dung chi, tổng tiền thanh toán; Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước (đối với nguồn ngân sách nhà nước) và Ủy nhiệm chi chứng từ thanh toán (nguồn trích lập quỹ). Tại các cột mục của chứng từ đã có chữ ký số của Kế toán Nguyễn Đoàn Bảo N và Hiệu trưởng Nguyễn Dạ Th. Trên cơ sở đó, bộ phận Kế toán của Kho bạc Nhà nước An Giang kiểm soát các khoản chi theo đề nghị thanh toán, số liệu thể hiện trên bảng đề nghị thanh toán khớp đúng với số liệu trên giấy rút dự toán và ủy nhiệm chi thì thực hiện kiểm soát chi tài khoản dự toán và trích lập quỹ của Trường tại Kho bạc Nhà nước An Giang. Quy trình, quy định được thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước về kiểm soát chi tài khoản dự toán, trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi.

Phan Bình V2, Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên PĐ trình bày: Trần Thị Thu Tr1 là kế toán của công ty PĐ. Công ty PĐ không mua bán hàng hóa với Trường tiểu học V. Việc Tr1 xuất bán 24 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty PĐ bán cho Trường tiểu học V ông Vỹ không biết.

Trương Mỹ Tr2, Trần Hải Đ2 đều là nhân viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên PĐ, trình bày: từ tháng 6 năm 2020 cho đến tháng 12 năm 2020, Mỹ Tr2, Đ làm việc tại Công ty PĐ. Đ2, Mỹ Tr2 xác định mỗi người có lập và ký tên trên 04 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty PĐ theo yêu cầu của Trần Thị Thu Tr1. Tất cả những nội dung thể hiện trên hóa đơn do Thu Tr1 cung cấp để xuất hóa đơn và yêu cầu Đ2, Mỹ Tr2 ký tên tại cột người bán hàng. Đ2, Mỹ Tr2 không được hưởng lợi từ việc xuất hoá đơn.

Nguyễn Thị Thúy Ng, Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thiết bị văn phòng MN, trình bày: khoảng năm 2020, Đỗ Minh Tr có đến Cửa hàng của Công ty MN mua hàng hóa là thiết bị, linh kiện máy in, máy tính, không nhớ cụ thể bao nhiêu lần, trị giá mua bán cụ thể là bao nhiêu. Công ty MN không bán hàng cho Trường tiểu học V. Trong thời gian trên Ngân có xuất 03 hóa đơn theo yêu cầu của Đỗ Minh Tr. Ngân không biết việc Tr yêu cầu xuất hóa đơn để Tr bán lại cho Trường tiểu học V.

Đoàn Tú D, Trần Diễm M, Trịnh Tùng C, Trần Hữu L3, Bùi Nguyễn Quốc h3, Huỳnh ngọc Phương D1 trình bày: từ tháng 4 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020 Dả, My, Chinh, Lễ, Huy, Duy có cho Tr, Th, Nh mượn tài khoản ngân hàng để nhận tiền từ tài khoản của Trường tiểu học V. Sau khi nhận tiền Chinh, Lễ, Huy, Duy rút tiền mặt ra đưa lại hoặc chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của Th, Nh. Duy, Huy, Lễ, Chinh, Dả và My không hưởng lợi từ việc nhận chuyển tiền.

Ông Tô Văn B1 trình bày: ngoài nhiệm vụ làm giáo viên đứng lớp, ông Bên còn được Hiệu trưởng phân công miêng qua cuộc họp nhà trường làm thêm thủ quỹ. Ông Bên sẽ giữ tiền thu quỹ khuyến học, tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn và quỹ chăm sóc sức khỏe ban đầu của nhà trường. Việc thu bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn nhà trường giao cho các thầy cô giáo chủ nhiệm trực tiếp thu và giao nộp lại cho ông Bên, khi ông Bên bận công việc thì nộp cho Nguyễn Dạ Th. Quá trình theo dõi việc giao nộp tiền bảo hiểm trên được xác định theo từng lớp học do ông Bên và Nguyễn Dạ Th trực tiếp nhận. Ông Bên đã nộp vào tài khoản của Trường tiểu học V số tiền 222.588.000 đồng, giao cho bà Th 40.476.000 đồng.

Đỗ Thị G, Trần Thị Th6, Nguyễn Thủy T4, Trần Thiện Thu Th7, Nguyễn Thị O, Nguyễn Bảo C3, Nguyễn Quốc S2, Nguyễn Thái S3, Trần Thị Kim Chi, Nguyễn Tiên S4, Phạm An T5, Châu Xuân H4, Lê Hữu T6, Lê Zi Th8 (giáo viên Trường tiểu học V, đại diện theo ủy quyền của các em học sinh tham gia đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn năm học 2020 - 2021), trình bày như nội dung vụ án đã nêu.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, các bị cáo Nguyễn Dạ Th, Nguyễn Đoàn Bảo N, Đỗ Minh Tr, Trần Thị Thu Tr1 khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Tại Cáo trạng số 13/CT-VKSLX-HS ngày 03 tháng 02 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố X đã truy tố: bị cáo Nguyễn Dạ Th và Nguyễn Đoàn Bảo N về tội “Tham ô tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự; “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm c, e khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Đỗ Minh Tr về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm e khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Trần Thị Thu Tr1 về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm c, e khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội: Giữ nguyên nội dung truy tố các bị cáo Nguyễn Dạ Th, Nguyễn Đoàn Bảo N, Đỗ Minh Tr, Trần Thị Thu Tr1, và đề nghị:

- Áp dụng: các điểm c, d khoản 2 Điều 353; các điểm c, d khoản 2 Điều 355; các điểm c, e khoản 2 Điều 203; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 54; 55; 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Dạ Th từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù về tội “Tham ô tài sản”, từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”, từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cho cả 03 tội là 10 (mười) năm đến 12 (mười hai) năm 03 (ba) tháng tù.

- Áp dụng: các điểm c, d khoản 2 Điều 353; các điểm c, d khoản 2 Điều 355; các điểm c, e khoản 2 Điều 203; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 54; 55; 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đoàn Bảo N từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù về tội “Tham ô tài sản”, từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”, từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cho cả 03 tội là 10 (mười) năm đến 12 (mười hai) năm 03 (ba) tháng tù.

- Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Minh Tr từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

- Áp dụng: các điểm c, e khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Thu Tr1 từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

- Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 589 Bộ luật Dân sự, các Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Dạ Th và bị cáo Nguyễn Đoàn Bảo N có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho Trường tiểu học V, thành phố X số tiền 380.150.380 đồng.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động VIVO, màu vàng, kiểu máy VIVO 1606 của bị cáo Nguyễn Dạ Th và 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 Plus, màu vàng của bị cáo Nguyễn Đoàn Bảo N.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 19.050.000 đồng do bị cáo Đỗ Minh Tr và bị cáo Trần Thị Thu Tr1 giao nộp.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đoàn Bảo N số tiền 6.849.620 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến trình bày, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

Bị cáo Nguyễn Dạ Th tự bào chữa: bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, nhưng bị cáo đề nghị xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đã nhiều năm công tác hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục, đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất.

Quan điểm của luật sư Nguyễn Phú H bào chữa cho bị cáo Đỗ Minh Tr: không tranh luận về tội danh, khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã truy tố, luận tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: bị cáo Tr thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, đã nộp tiền thu lợi bất chính; bị cáo là lao động chính trong gia đình phải nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi và cha mẹ già trên 70 tuổi; bản thân bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, gia đình bên vợ của bị cáo có người là người có công với cách mạng, đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP của Tòa án nhân dân tối cao để cho bị cáo Tr được hưởng án treo.

Quan điểm của luật sư Trần Văn A3 bào chữa cho bị cáo Trần Thị Thu Tr1: không tranh luận về tội danh, khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã truy tố, luận tội. Tuy nhiên, việc áp dụng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Tr1 là chưa phù hợp, vì: theo khoản 2 Điều 352 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 3 Luật Phòng, chống tham nhũng thì bị cáo Tr1 không phải là người có chức vụ, quyền hạn; bị cáo không giữ chức vụ/chức danh kế toán, không ký hợp đồng lao động kế toán, chỉ được đào tạo nghiệp vụ kế toán thông qua khóa bồi dưỡng hình thức chứng chỉ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Tr1: ngoài các tình tiết mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị thì bị cáo là người có hành vi, tính chất phạm tội đơn giản; nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có công hiến cho xã hội, phạm tội gây hậu quả không lớn, đã nộp tiền thu lợi bất chính, đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, gia đình bị cáo có người có công với cách mạng. Bản thân bị cáo có nơi cư trú rõ ràng cộng với nhiều tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ đó, đề nghị áp dụng quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP của Tòa án nhân dân tối cao để cho bị cáo Tr1 được hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo đã biết lỗi, ăn năn hối cải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; quá trình điều tra, truy tố họ đã cung cấp lời khai, yêu cầu rõ ràng trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng: cơ quan điều tra Công an thành phố X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: lời khai của các bị cáo, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án... có đủ căn cứ xác định:

[3.1] Về hành vi mua bán trái phép hóa đơn: Từ ngày 12 tháng 6 năm 2020 đến ngày 21 tháng 12 năm 2020, bị cáo Nguyễn Dạ Th là hiệu trưởng và bị cáo Nguyễn Đoàn Bảo N là kế toán của Trường tiểu học V đã bàn bạc tìm nơi mua hóa đơn không để chiếm đoạt tiền từ ngân sách nhà nước cấp cho Trường tiểu học V. Khi được bị cáo Nh đề nghị tìm hóa đơn, bị cáo Đỗ Minh Tr đã liên hệ với bị cáo Trần Thị Thu Tr1 (là kế toán của Công ty PD) để cùng nhau thực hiện hành vi xuất hóa đơn giá trị gia tăng không hợp pháp (hóa đơn thể hiện người mua là Trường tiểu học V nhưng thực tế không có giao dịch bán hàng giữa Công ty PD với Trường tiểu học V); rồi thực hiện bán lại cho bị cáo Th và bị cáo Nh, tổng cộng là 24 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty PD với số tiền ghi trên hóa đơn tổng cộng là 161.270.000 đồng. Ngoài ra, trong tháng 5 và tháng 6 năm 2020, bị cáo Tr còn tự tìm 03 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty MN với số tiền ghi trên hóa đơn tổng cộng là 11.550.000 đồng để bán lại cho các bị cáo Nh, Th. Tr hưởng lợi từ hành vi bán hóa đơn là 12.919.000 đồng, Tr1 hưởng lợi từ hành vi bán hóa đơn là 6.100.000 đồng. Hành vi bán trái phép hóa đơn của các bị cáo Tr, Tr1 đã giúp cho các bị cáo Nh, Th (người mua trái phép hóa đơn) gian dối để chiếm đoạt ngân sách nhà nước cấp cho Trường tiểu học V. Từ đó, các bị cáo đã gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước là 172.820.000 đồng. Vì vậy, hành vi của các bị cáo Tr, Tr1, Nh, Th đã đủ cấu thành tội “Mua bán hóa đơn trái phép” theo khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự như truy tố của Viện kiểm sát.

[3.2] Đối với hành vi “Tham ô tài sản”: ngoài hành vi mua trái phép 27 hóa đơn để sử dụng làm thủ tục thanh toán thông qua Kho bạc N An Giang, chiếm đoạt 172.820.000 đồng ngân sách nhà nước cấp cho trường. Từ ngày 17 tháng 4 năm 2020 đến ngày 28 tháng 12 năm 2020, các bị cáo Nh, Th đã làm khống các khoản chi (chỉ có giấy dự toán, không có hóa đơn, chứng từ) để chiếm đoạt tiền từ nguồn ngân sách cấp cho trường là: 55.093.000 đồng với nội dung chi: tiền quán motor,

dây công tắc; mua ống nước, bồn giội nước; mua quạt đứng; mua kệ sách; mua văn phòng phẩm tháng 10; mua ô khóa, dây điện; mua thiết bị lớp 1; mua thiết bị lớp 3; nhưng thực tế Trường tiểu học V không thực hiện chi các khoản này. Từ ngày 08 tháng 01 năm 2020 đến ngày 11 tháng 11 năm 2020, Nh và Th đã làm khống các ủy nhiệm chi (không có hoá đơn, chứng từ) chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của Trịnh Tùng C (bạn của Th), Đỗ Minh Tr, Trần Hữu L3 (bạn của Nh), Nguyễn Văn Bảy Nh6 (chủ cơ sở bán đồ gia dụng) để chiếm đoạt tiền từ nguồn ngân sách cấp cho trường là: 134.790.000 đồng với nội dung chi: mua lưới che; mua bơm áp; kinh phí làm nhà xe giáo viên; phí sửa chữa chống dột 3 phòng học; tạm ứng kinh phí xây sân khấu; phí làm hàng rào; mua micro; mua bảng từ; tạm ứng sửa cổng trường; nhưng thực tế Trường tiểu học V không thực hiện chi các khoản này. Như vậy, từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020, các bị cáo Th và Nh đã cố ý lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để chiếm đoạt tài sản mà mình được giao quản lý với tổng số tiền 362.703.000 đồng được lấy từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn tiền gửi có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước cấp cho Trường tiểu học V để chia nhau tiêu xài. Trong đó, bị cáo Th chiếm đoạt 134.020.000 đồng, bị cáo Nh chiếm đoạt 228.683.000 đồng. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự như truy tố của Viện kiểm sát.

[3.3] Đối với hành vi “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”: bị cáo Th đã có hành vi trực tiếp thu tiền từ bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn do học sinh nộp nhưng lại không chuyển đóng bảo hiểm cho học sinh mà sử dụng cá nhân. Bên cạnh đó, từ số tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn học sinh mà ông Tô Văn B1 nộp vào tài khoản của Trường thì các bị cáo Th, Nh đã thực hiện chuyển khoản từ tài khoản của Trường đến các tài khoản cá nhân khác để chiếm đoạt sử dụng cá nhân. Các bị cáo Th và Nh đã không thực hiện đúng phạm vi quyền hạn của mình được giao mà cố ý lạm dụng chức vụ, quyền hạn, lòng tin của học sinh, phụ huynh và cả công ty bảo hiểm để đứng ra thu tiền bảo hiểm rồi lừa dối học sinh, thực hiện hành vi chiếm đoạt 182.908.000 đồng. Vì vậy, hành vi của các bị cáo Th, Nh đã cấu thành tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự như truy tố của Viện kiểm sát.

[4] Về mức độ, tính chất hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo:

[4.1] Các bị cáo Nh, Th đều là người trưởng thành, có trình độ chuyên môn để nhận thức đầy đủ vai trò, trách nhiệm của người được giao nhiệm vụ lãnh đạo quản lý, kế toán một đơn vị và những quy định của pháp luật. Lẽ ra các bị cáo phải thực hiện đúng, thực hiện tốt nhiệm vụ của mình xứng đáng với chức vụ, quyền hạn được giao. Nhưng thấy rằng với chức vụ, quyền hạn Hiệu trưởng, Kế toán thì có điều kiện thuận lợi để lấy tiền từ ngân sách nhà nước, từ nguồn thu bảo hiểm của học sinh; các bị cáo đã tham lam, đặt lợi ích cá nhân của mình lên trên hết để cố ý tìm mọi phương án, thủ đoạn thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Bị cáo Th và bị cáo Nh đã có sự bàn bạc, thống nhất, tạo điều kiện, hỗ trợ nhau cùng thực hiện hành vi phạm tội.

[4.2] Bị cáo Th là hiệu trưởng, bí thư chi bộ của Trường tiểu học V, đã không thực hiện tốt vai trò nêu gương của một người đứng đầu đơn vị, một cán bộ

đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Khi nhận được đề nghị của bị cáo Nh lẽ ra bị cáo phải kịp thời kiểm tra, xử lý vi phạm, nhắc nhở, kiểm điểm bị cáo Nh để bị cáo Nh không tiếp tục sai phạm nặng nề hơn; nhưng ngược lại bị cáo nhanh chóng câu kết với kế toán để thực hiện mua bán trái phép hóa đơn; tham ô tài sản của nhà nước; lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao để chiếm đoạt tài sản của đơn vị mình quản lý, nguồn tiền bảo hiểm của học sinh. Còn bị cáo Nh đã lợi dụng kinh nghiệm nhiều năm công tác kế toán, lợi dụng chức trách nhiệm vụ được giao để chủ động câu kết với hiệu trưởng cùng nhau vi phạm pháp luật, chiếm đoạt tài sản. Hành vi của các bị cáo Th, Nh đã ảnh hưởng xấu đến tình cảm, sự tôn Tr, ghi nhận của xã hội dành cho những người thầy và ngành giáo dục.

[4.4] Hai bị cáo Tr1, Tr là những người có sức khỏe, có trình độ chuyên môn, nghề nghiệp, thu nhập ổn định, đều nhận thức được hành vi của mình sẽ xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước; nhưng hai bị cáo chỉ vì lợi ích cá nhân trước mắt mà thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn, xâm phạm chế độ quản lý nhà nước đối với các loại hóa đơn, chứng từ nộp thu ngân sách nhà nước đang lưu thông trên thị trường, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước. Bị cáo Tr giữ vai trò kết nối giữa người mua hóa đơn (Nh, Th) với người bán hóa đơn (Tr1) đồng thời chính bị cáo cũng tự mình thực hiện hành vi bán hóa đơn để hưởng lợi. Bị cáo Tr1 là người có nghiệp vụ kế toán, nhận thức rõ hành vi xuất hóa đơn mà không có thực bán hàng hóa cho một cá nhân, tổ chức là vi phạm pháp luật nhưng khi nhận được lời đề nghị của bị cáo Tr thì bị cáo vẫn cố ý cùng với Tr thực hiện hành vi phạm tội để hưởng lợi cá nhân.

[4.5] Hành vi của các bị cáo đã gây hậu quả rất nghiêm Tr, gây thiệt hại lớn cho ngân sách nhà nước, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của học sinh; xâm phạm trực tiếp đến sự hoạt động đúng đắn, liêm chính của công tác, nhiệm vụ quản lý tài sản của các cơ quan nhà nước, xâm phạm về quyền sở hữu tài sản của nhà trường, ảnh hưởng lớn đến uy tín của cán bộ, giáo viên, công nhân viên nhà trường và ngành giáo dục; gây bức xúc trong dư luận xã hội, gây mất ổn định tình hình an ninh trật tự, phát triển kinh tế xã hội và nền kinh tế tài chính.

Đối với ý kiến của luật sư Trần Văn A3 bào chữa cho bị cáo Tr1, cho rằng: bị cáo Tr1 không được ký hợp đồng lao động kế toán, không giữ chức vụ/chức danh kế toán tại Công ty PD và chỉ được đào tạo nghiệp vụ kế toán thông qua khóa bồi dưỡng hình thức chứng chỉ. Vì vậy, việc áp dụng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Tr1 là chưa phù hợp. Xét thấy: lời khai của bị cáo Tr1 trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thừa nhận bị cáo được Công ty PD giao nhiệm vụ lập và xuất hóa đơn giá trị gia tăng, quản lý hóa đơn, chứng từ của Công ty, đây là nhiệm vụ của một kế toán. Tr1 đã được đào tạo nghiệp vụ kế toán và đã được cấp chứng chỉ nghiệp vụ. Lời khai này phù hợp với lời khai của ông Phan Bình V2, Trương Mỹ Tr2, Trần Hải Đ2 đều xác định Tr1 là kế toán của Công ty PD. Mỹ Tr2, Đ đều khai nhận Trần Thị Thu Tr1 là kế toán có quyền phân công họ thực hiện công việc liên quan đến hóa đơn, chứng từ. Ông Vỹ khai: từ năm 2010 cho đến nay, toàn bộ hóa đơn, chứng từ của Công ty PD do bị cáo Tr1 làm kế toán quản lý. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 352 Bộ luật Hình

sự và khoản 2 Điều 3 Luật Phòng, chống tham nhũng thì “*người có chức vụ là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một nhiệm vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ*”. Vì vậy, việc áp dụng quy định tại điểm c Điều 203 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Tr1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo Th, Nh đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; các bị cáo cũng đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt để bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; mặt khác, các bị cáo có nhân thân tốt, đã có nhiều năm cống hiến cho ngành giáo dục địa phương, nhiều năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, tại phiên tòa đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với hai bị cáo. Đối với các bị cáo Tr, Tr1 cũng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án; đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính; đồng thời các bị cáo đều có người thân là người có công với cách mạng; tại phiên tòa đại diện bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bản thân các bị cáo có nhân thân tốt lần đầu phạm tội; bị cáo Tr là lao động chính trong gia đình đang nuôi con nhỏ, phụng dưỡng cha mẹ già; do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[5.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: các bị cáo Th, Nh đã thực hiện hành vi chiếm đoạt 362.703.000 đồng tiền là ngân sách nhà nước cấp, nguồn tiền gửi có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước cấp cho Trường tiểu học V; chiếm đoạt 182.908.000 đồng tiền thu bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn của học sinh. Trong đó, các bị cáo đã nộp 165.460.620 đồng để khắc phục hậu quả, giao cho nhà trường đóng bảo hiểm cho học sinh; còn lại 17.447.380 đồng là nhà trường thực hiện đóng tiếp để học sinh được cấp thẻ bảo hiểm. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Trường tiểu học V về việc hoàn trả cho trường số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt, tổng cộng là 380.150.380 đồng. Các bị cáo đã thực hiện nộp lại số tiền này trong quá trình giải quyết vụ án, nên cần được công nhận để hoàn lại số tiền này cho Trường tiểu học V.

[7] Về xử lý vật chứng:

[7.1] Đối với 02 điện thoại di động là tài sản cá nhân của bị cáo Th và bị cáo Nh được sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[7.2] Đối với số tiền các bị cáo đã nộp lại:

[7.2.1] Bị cáo Nh đã chiếm đoạt tổng số tiền 269.683.000 đồng. Bị cáo Nh và gia đình đã nộp khắc phục được số tiền là: 284.000.000 đồng. Sau khi trừ số tiền được hưởng lợi là 269.683.000 đồng; số tiền còn dư là: 14.317.000 đồng thì

Nh tự nguyện nộp khắc phục tiếp cho bị cáo Nguyễn Dạ Th. Bị cáo Th chiếm đoạt tổng cộng là: 275.928.000 đồng. Bị cáo Th và gia đình đã nộp khắc phục được số tiền 268.460.620 đồng, cộng với số tiền Nh chuyển sang. Như vậy, đối với số tiền bị cáo Nh nộp khắc phục thì còn dư lại 6.849.620 đồng, không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Đoàn Bảo N.

[7.2.2] Bị cáo Tr đã nộp số tiền 12.950.000 đồng; bị cáo Tr1 đã nộp số tiền 6.100.000 đồng; đây đều là tiền thu lợi bất chính của các bị cáo; trong đó, bị cáo Tr thu lợi bất chính 12.919.000 đồng, nộp dư 31.000 đồng, nhưng bị cáo Tr không yêu cầu trả lại số tiền đã nộp dư. Vì vậy, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền 19.050.000 đồng do các bị cáo Tr, Tr1 giao nộp.

[8] Các vấn đề khác:

[8.1] Đối với Đoàn Tú D, Trần Diễm M, Trịnh Tùng C, Trần Hữu L3, Bùi Nguyễn Quốc h3, Huỳnh ngọc Phương D1 có hành vi cho Tr, Nh, Th mượn tài khoản cá nhân tại ngân hàng để chuyển tiền là vi phạm pháp luật nhưng những người này không biết mục đích Tr, Nh, Th mượn để chuyển tiền chiếm đoạt mà có và không hưởng lợi nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự những người này với vai trò đồng phạm với Tr, Nh, Th là có căn cứ.

[8.2] Nguyễn Thị Thúy Ng có hành vi xuất 03 hóa đơn giá trị gia tăng theo yêu cầu của Đỗ Minh Tr do thực tế Tr có mua hàng hóa, nhưng không biết việc Tr bán hóa đơn cho Nh và không hưởng lợi nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự Ngân về hành vi mua bán trái phép hoá đơn thu nộp ngân sách nhà nước là có căn cứ.

[8.3] Trương Mỹ Tr2, Trần Hải Đ2 có hành vi lập, ký tên trên 08 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty PD theo yêu cầu của Trần Thị Thu Tr1 nhưng không biết mục đích Thu Tr1 xuất hóa đơn để bán cho Tr và không hưởng lợi nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự Mỹ Tr2, Đ về hành vi mua bán trái phép hoá đơn là có căn cứ.

[8.4] Đối với hành vi sử dụng hóa đơn khống của Công ty PD là vi phạm pháp luật nhưng đã bị cơ quan thuế Cần Thơ xử phạt vi phạm hành chính.

[9] Về kiến nghị: Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố X, Phòng giáo dục - Đào tạo thành phố X, Kho bạc N An Giang tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát công tác quản lý tài chính kế toán tại các trường học nhằm tránh xảy ra thất thoát về tài sản và vi phạm pháp luật của cán bộ, nhân viên các đơn vị trực thuộc.

[10] Về án phí: các bị cáo Th, Nh, Tr, Tr1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Về án phí dân sự: do các bị cáo Th, Nh đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt để bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả trước khi mở phiên tòa nên các bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: các điểm c, d khoản 2 Điều 353; các điểm c, d khoản 2 Điều 355; các điểm c, e khoản 2 Điều 203; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 54; 55; 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Dạ Th 05 (năm) năm tù về tội “Tham ô tài sản”, 04 (bốn) năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”, 01 (một) năm tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cho cả ba tội là 10 (mười) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 15 tháng 6 năm 2022.

2. Căn cứ: các điểm c, d khoản 2 Điều 353; các điểm c, d khoản 2 Điều 355; các điểm c, e khoản 2 Điều 203; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 54; 55; 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đoàn Bảo N 05 (năm) năm tù về tội “Tham ô tài sản”, 04 (bốn) năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”, 01 (một) năm tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cho cả ba tội là 10 (mười) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 15 tháng 6 năm 2022.

3. Căn cứ: điểm e khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Minh Tr 01 (một) năm tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”; thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 20 tháng 11 năm 2022.

4. Căn cứ: các điểm c, e khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Thu Tr1 01 (một) năm tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”; thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 20 tháng 11 năm 2022.

5. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ các Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015

Buộc các bị cáo Nguyễn Dạ Th, Nguyễn Đoàn Bảo N có nghĩa vụ liên đới trả lại cho Trường tiểu học V, thành phố X, tỉnh An Giang số tiền 380.150.380 đồng (ba trăm tám mươi triệu một trăm năm mươi nghìn ba trăm tám mươi đồng) (đã nộp xong).

6. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO, màu vàng, kiểu máy VIVO 1606, số IMEI 1: 866045037721816, số IMEI 2: 866045037721808, có số thuê bao 0949767775 thu giữ của bị cáo Nguyễn Dạ Th;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng, số IMEI: 35656408376301, số seri DX3VWD3DHG07, số thuê bao 0939933515 thu giữ của bị cáo Nguyễn Đoàn Bảo N;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền: 19.050.000 đồng (mười chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng);

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đoàn Bảo N số tiền 6.849.620 đồng (sáu triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm hai mươi đồng).

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố X với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X; Ủy nhiệm chi số: 10 ngày 01 tháng 3 năm 2023 đơn vị trả tiền: Công an thành phố X, đơn vị nhận tiền: Chi cục thi hành án dân sự thành phố X; Ủy nhiệm chi ngày 04 tháng 4 năm 2023 đơn vị trả tiền: Thanh tra Nhà nước thành phố X, đơn vị nhận tiền: Chi cục thi hành án dân sự thành phố X).

7. Về án phí:

Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc các bị cáo Nguyễn Dạ Th, Nguyễn Đoàn Bảo N, Đỗ Minh Tr, Trần Thị Thu Tr1 mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Dạ Th, Nguyễn Đoàn Bảo N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Các bị cáo Nguyễn Dạ Th, Nguyễn Đoàn Bảo N, Đỗ Minh Tr, Trần Thị Thu Tr1 và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tp. X (2);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà tạm giữ Công an tp. X (4);
- CQTHAHS Công an tp. X (1);
- CQĐT Công an tp. X (1);
- Chi cục THADS tp. X (1);
- Bị cáo (4);
- Bị hại (1);
- Người bào chữa (5);
- Người có QLNVLQ (40);
- Bộ phận THA Tòa án (20);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thùy Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Mỹ Hương

Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Thùy Giang

Nguyễn Văn Sơn

Võ Thanh Tân